



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM PHAM MINH TUONG
Last Middle First

Current Address: 190 Ng Truong Long Phuong 12 Q. Binh Thanh TP/Ho Chi Minh

Date of Birth: 10-20-1942 Place of Birth: Saigon

Previous Occupation (before 1975) Đại úy' Trưởng Chi an ninh Quân đội
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From May-11-1975 To Feb-09-1983
Years: 07 Months: 09 Days: 02

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

Mẫu HT3/P3

Thành phố, Tỉnh Saigon

Quyển số _____

[illegible]

Họ và tên	HỌ MINH TÙNG		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng, năm	15 Tháng 09 năm 1970, tại			
Nơi sinh	Sài Gòn, 497 Hai Bà Trưng			
Khai về cha mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Phạm Minh Tùng 30T		Lê Thị Mỹ 25T	
Dân tộc	/		/	
Quốc tịch	/		/	
Nghề nghiệp	Quản nhân		Hội trợ	
Nơi ĐKNK thường trú	Cố định, 25/6/82/7 Nguyễn Văn Ngọc			
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Lê Thị Mỹ			

Ngày tháng năm

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

_____ ký tên, đóng dấu



Xã, Thị trấn

Thị xã, Quận

Thành phố, Tỉnh

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

56

11025

Quyển số

[illegible]

Họ và Tên	PHẠM DINH THÁI		Nam, nữ nam
Sinh ngày tháng, năm	ngày 12 tháng 12 năm 1967		
Nơi sinh	SÀI GÒN, 437 Hai Bà Trưng		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	PHẠM DINH THƯỜNG 29 t	LÊ THỊ BÍCH 22 t	
Dân tộc			
Quốc tịch			
Nghề nghiệp			
Nơi ĐKKK thường trú	Quận Bình Số 116 Nguyễn Văn Lạc	Số 116	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng mệnh hoặc CNCC của người đăng khai			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÁNH

Ngày 5 tháng 8 năm 1984.

TM UBND 2.3 ký tên đóng dấu

Được ký ngày ____ tháng ____ năm 198__

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)



ỦY VIÊN THƯỜNG

Thị trấn và vùng biên giới

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT 13/P3

Xã, Thị trấn _____

Thị xã, Quận _____

Thành phố, Tỉnh _____ GD

BẢN SAO

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 330

Quyển số _____

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bí danh	PHẠM MINH TƯỜNG	LÊ THỊ BẢY
Sinh ngày, tháng, năm hay tuổi	20/10/1942	01/6/
Dân tộc Quốc tịch		
Nghề nghiệp		
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú		
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu		

Người chồng ký

Người vợ ký

Đăng ký, ngày _____ tháng _____ năm 65

TM/UBND _____ Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 15 tháng 9 năm 98

TM/UBND BT _____ Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)



QUẬN BÌNH THẠNH
HỒ TỊCH

BỘ NỘI VỤ
Trại **Thủ Đức**
Số **39** GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2363 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SIISLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thị hành án văn, quyết định tha số **63** ngày **29** tháng **01** năm **1983**
của **Bộ Nội Vụ.**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

Phạm Minh Tường.

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm **1942.**

Nơi sinh **Sài Gòn.**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **190 Nơ Trang Long, Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.**

Can tội **Đại úy trưởng chỉ an ninh quân đội.**

Bị bắt ngày **11-5-75**

Án phạt **TTCT.**

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại **190 Nơ Trang Long, Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.**

Nhận xét quá trình cải tạo

Trong thời gian học tập cải tạo đã có nhiều tiến bộ, chấp hành nội quy nghiêm, lao động và học tập tốt.

- Thời hạn quản chế: 12 tháng (Mười hai tháng).

- Thời hạn đi đường: 02 Ngày (Kể từ ngày ký GRT).

- Tiền đi đường đã cấp từ trại về đến gia đình.

Lần tay ngón trỏ phải
Của **Phạm Minh Tường.**

Danh bản số

Lập tại



Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

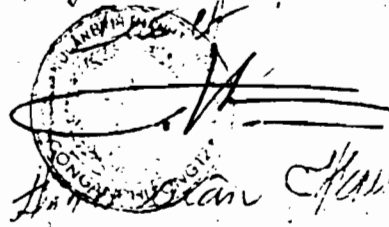
Tường

Ngày tháng năm 1983

Phó Giám thị

Thiếu tá **Phan Hữu Phúc**

Lưu Minh CHIE
Cố định Kims - dia tai CHIE/15
1.2.2015 10/1/15


HANG HANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022200855

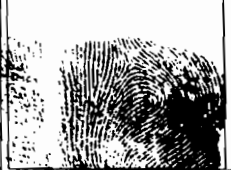
Họ tên: LÊ THỊ BÂY

Sinh ngày: 01-06-1945

Nguyên quán: Sông Bè

Nơi thường trú: 190 Nơ Trang
Long, BT, Tp. Hồ Chí Minh



Dân tộc: Kinh		Tôn giáo Công Giáo	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
NGÓN TRỎ TRÁI		Nốt ruồi .lcm trên trước đầu mắt trái.	
		NGÓN TRỎ PHẢI	
Ngày 26 tháng 01 năm 1984 THỦ LƯU ĐẠO HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN <i>Thao</i> <i>Thanh Văn</i>			

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỐ TỬ C

NAME (Ten Tu-nhan) : PHAM MINH TUONG
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten gọi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 10 20 1942
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu):
MARITAL STATUS Single (Doc than : Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 190 N3 Trang Long Phuong 12 Quan Binh Thanh
(Dia chi tai Viet-Nam) 2- v Pho Ho Chi Minh
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong):
If Yes (Neu co): From (Tu) May 11 1975 To (Den) Feb 9 1983
PLACE OF RE-EDUCATION: Thu Duc
(Trai tu)
PROFESSION (Nghề nghiệp): Sy quan Quan An Chi To Cu
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): No
IN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Hai uy
IN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Truong Chi an ninh
Quan doi Chi khu Cai Be Date (nam): 1974
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): Co
IV Number (So ho so): Chua co
No (Khong): X
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 04
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day-du chi
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 190 N3 Trang Long Phuong 12
Quan Binh Thanh Thanh Pho Ho Chi Minh
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngươi Bao tro)
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): No (Khong):
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN):
NAME & SIGNATURE: Pham Minh Triang Moul
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu Ky, Dia chi va Dien thoai của người diện don nay) 190 N3 Trang Long
Phuong 12 Quan Binh Thanh Thanh Pho Ho Chi Minh
DATE: AUGUST 10 1990
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA
Lê Thi - BAY	June 01-1945	wife
PHAM - MINH - THAI	Dec 11-1967	Son
PHAM - MINH - THY	Sept 15-1970	Son
PHAM - MINH - TRUC	Dec-17-1983	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

LIC M

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

MAu HT2/P3

**BẢN SAO
GIẤY KHAI SANH**

S6 293

Quyền số 01

[illegible]

Họ và tên	PHẠM MINH TRÚC		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng năm	Ngày 17 tháng 12 năm 1983		
Nơi sinh	Xã. Lương Kim Vi		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ tên tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Phạm Minh Trùng 1942	Lê Thị Bảy 1945	
Dân tộc	Kinh		
Quốc tịch	Việt Nam		
Nghề nghiệp	Nội trợ		
Nơi ĐKNK thường trú	190 Ngõ trung Long		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng mệnh hoặc CNCC của người đứng khai	Phạm Minh Trùng		

Nhận thực sáo y bản chính 27/9/88

T. H. N. quân BT

Đã ký, ngày 15 tháng 1 năm 1984
TM/UBND _____ ký tên, đóng dấu
(ghi rõ họ, tên, chức vụ)

2014-2015